

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA UBCK. NHÀ NƯỚC VÀ WEBSITE CÔNG TY**

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 – ĐÃ KIỂM TOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Quý cổ đông Công ty CP Đồng Tiến

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Trụ sở chính: Lô 247, Đường số 12, Khu CN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: 0251. 3682248 Fax: /

Người thực hiện công bố thông tin: Ông NGUYỄN VĂN HOÀNG - Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu CN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại (di động, cơ quan): 0888840059.

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Đồng Tiến công bố thông tin về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12//2020 đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán độc lập số: 0182/2021/BCTC-KTV, của Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt ngày 29/3/2021.

(Đính kèm toàn văn Báo cáo Tài chính của Công ty năm 2020 đã được kiểm toán).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. ✓

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS; BanTGD;
- Đăng IDS và Web Cty;
- Lưu VT, TCKT, TK.HĐQT.



Nguyễn Văn Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 49

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tiến (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
------------------	----------------	----------------------	------------------------

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đình Trường	Chủ tịch		
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên		
Ông Trần Minh Công	Thành viên		
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên		
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	23/5/2020	

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Trâm Anh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Quỳnh Thu	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Hồng Loan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hồng Đức	Phó Tổng Giám đốc	6/2/2021
Bà Ngô Thị Mảnh	Phó Tổng Giám đốc	18/01/2020
Ông Lê Tấn Tài	Phó Tổng Giám đốc	01/8/2020
Ông Vũ Thu Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Duyệt	Giám đốc điều hành	
Ông Ngô Ngọc Thuận	Giám đốc điều hành	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HOÀNG - Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2021 *Chuan*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đồng Tiến, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 49 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày ở Thuyết minh số IV.1, Chúng tôi được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Tiến (Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ), do đó các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

TRẦN THỌ ĐỨC TIẾN - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4325-2018-037-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		679.041.516.609	598.702.501.383
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		199.875.813.604	147.810.312.253
Tiền	111	V.1	199.875.813.604	147.810.312.253
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		215.694.462.003	205.652.144.525
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	171.444.325.314	118.129.628.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.420.947.924	7.130.302.621
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	28.000.000.000	68.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	12.829.188.765	12.375.844.847
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	16.368.889
IV. Hàng tồn kho	140		251.552.785.171	219.318.524.081
Hàng tồn kho	141	V.6	251.552.785.171	219.318.524.081
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.918.455.831	25.921.520.524
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.023.199.989	2.534.545.486
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.186.074.347	23.386.975.038
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	709.181.495	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		297.945.420.235	340.008.669.635
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.055.122.000	12.055.122.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	12.055.122.000	12.055.122.000
II. Tài sản cố định	220		250.087.966.875	290.379.808.041
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	239.004.941.268	278.834.989.698
Nguyên giá	222		519.429.012.349	541.871.309.494
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(280.424.071.081)	(263.036.319.796)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	11.083.025.607	11.544.818.343
Nguyên giá	228		12.930.196.549	12.930.196.549
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.847.170.942)	(1.385.378.206)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.576.424.172	2.576.424.172
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.576.424.172	2.576.424.172
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	32.713.120.000	34.300.330.869
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.000.000.000	11.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		25.713.120.000	25.713.120.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.000.000.000)	(4.412.789.131)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		512.787.188	696.984.553
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	225.000.000	453.570.602
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		287.787.188	243.413.951
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		976.986.936.844	938.711.171.018

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		759.710.704.091	724.357.588.830
I. Nợ ngắn hạn	310		672.837.484.603	637.316.117.510
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	207.275.196.551	302.594.448.952
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	3.033.434.706
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	45.165.082	4.466.243.298
4. Phải trả người lao động	314		176.868.331.779	148.179.733.385
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	146.506.317	2.094.693.795
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	14.705.068.029	1.665.135.475
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	258.144.768.350	157.075.971.640
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	15.652.448.495	18.206.456.259
II. Nợ dài hạn	330		86.873.219.488	87.041.471.320
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	1.071.127.500	1.074.150.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	85.802.091.988	85.967.321.320
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		217.276.232.753	214.353.582.188
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	217.276.232.753	214.353.582.188
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.374.840.000	57.374.840.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>57.374.840.000</i>	<i>57.374.840.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.782.861.856	36.766.564.296
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		120.118.530.897	120.212.177.892
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>99.607.707.492</i>	<i>70.749.306.492</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>20.510.823.405</i>	<i>49.462.871.400</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		976.986.936.844	938.711.171.018

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2021



NGUYỄN VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Kế toán trưởng

LÊ THỊ LIỄU
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02-DN

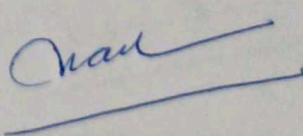
Đơn vị tính: VND

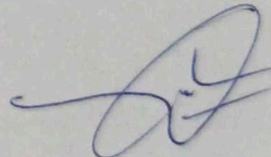
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.860.535.930.239	2.195.682.021.511
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.860.535.930.239	2.195.682.021.511
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.668.667.804.805	1.905.183.600.800
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		191.868.125.434	290.498.420.711
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.960.150.827	14.572.341.741
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.512.472.097	34.718.564.161
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.728.437.035	25.568.473.751
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	61.794.566.631	77.739.487.979
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	88.939.790.053	103.187.179.895
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.581.447.480	89.425.530.417
11. Thu nhập khác	31		8.051.137.843	731.428.977
12. Chi phí khác	32		259.584.405	-
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	7.791.553.438	731.428.977
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.373.000.918	90.156.959.394
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	7.210.025.321	17.417.442.630
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.162.975.597	72.739.516.764
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	4.101	9.889
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	4.101	9.889



Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Kế toán trưởng


LÊ THỊ LIỄU
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.771.432.691.967	2.247.619.880.133
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.360.829.454.490)	(1.564.948.932.286)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(491.979.214.447)	(495.430.913.648)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VII	(17.723.385.966)	(25.473.158.763)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(10.060.487.259)	(15.666.706.706)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		205.365.923.085	189.513.234.694
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(159.444.816.302)	(84.449.153.154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(63.238.743.412)	251.164.250.270
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(40.590.390.944)	(63.872.701.697)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		22.817.625.882	235.454.545
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40.000.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	4.561.360.177	7.003.667.449
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.788.595.115	(62.633.579.703)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.311.095.006.988	1.331.697.139.110
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.211.070.235.160)	(1.363.148.795.200)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(11.227.928.900)	(34.390.761.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		88.796.842.928	(65.842.417.090)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		52.346.694.631	122.688.253.477
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	147.810.312.253	25.193.797.607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(281.193.280)	(71.738.831)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	199.875.813.604	147.810.312.253



Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Kế toán trưởng

LÊ THỊ LIỄU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đồng Tiến (tên tiếng Anh là Dong Tien Joint - Stock Company, tên viết tắt là Dovitec) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000370 ngày 6 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000370, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18 tháng 8 năm 2008, chuẩn y cho việc:
 - + Thay đổi địa điểm trụ sở chính từ “Số 10, Đường 5, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai” sang “Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai”;
 - + Tăng vốn điều lệ từ 17.000.000.000 VND lên 25.500.000.000 VND.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259810, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 7 năm 2012, chuẩn y cho việc:
 - + Tăng vốn điều lệ từ 25.500.000.000 VND lên 38.250.000.000 VND;
 - + Bổ sung thông tin về chi nhánh.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259810, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 9 năm 2016, chuẩn y cho việc:
 - + Tăng vốn điều lệ từ 38.250.000.000 VND lên 57.374.840.000 VND;
 - + Bổ sung thêm một số ngành, nghề kinh doanh.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259810, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 11 năm 2017, chuẩn y cho việc thay đổi địa chỉ Công ty từ “Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai” sang “Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai”.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259810, đăng ký lần thứ 5 ngày 17 tháng 7 năm 2019, chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ông Vũ Ngọc Thuần sang ông Nguyễn Văn Hoàng, chức danh Tổng Giám đốc.
- **Vốn điều lệ** : 57.374.840.000 VND
 - Số cổ phiếu** : 5.737.484 cổ phiếu
 - Mệnh giá** : 10.000 VND/cổ phiếu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phiếu	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	1.495.125	14.951.250.000	26,06%
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Số 211-213, Quốc lộ 15, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	1.434.375	14.343.750.000	25,00%
Các cổ đông khác		2.807.984	28.079.840.000	48,94%
Cộng		5.737.484	57.374.840.000	100,00%

• Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

Địa chỉ : Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (0251) 822 248

Fax : (0251) 823 441

Mã số thuế : **3 6 0 0 2 5 9 8 1 0**

Chi nhánh

Tên chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đồng Tiến - Xí nghiệp may 4.

Địa chỉ : Ấp Bình Lâm, Xã Lộc An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Mã số chi nhánh : **3 6 0 0 2 5 9 8 1 0 - 0 0 3**

2. Lĩnh vực, kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh hiện nay của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu của Công ty hiện nay là sản xuất sản phẩm dệt may xuất khẩu và nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm phản ánh lợi nhuận 30.162.975.597 VND giảm đáng kể so với năm trước là 42.576.541.167 VND, tương ứng tỷ lệ giảm là 59%, trong đó doanh thu năm nay chỉ đạt 1.860.535.930.239 VND giảm 335.146.091.272 VND so với năm trước, tương ứng với tỷ lệ giảm là 15%. Nguyên nhân chủ yếu là đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh từ cuối năm 2019, đầu năm 2020, và diễn biến phức tạp, khó lường và kéo dài tại Việt Nam và trên toàn thế giới, ... điều này đã làm ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nguyên phụ liệu ngành may mặc chủ yếu từ Trung Quốc

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty bị khách hàng yêu cầu dừng các đơn hàng sản xuất, không nhận thành phẩm chuyển giao trong quý 2 năm 2020,... tất cả những nguyên nhân này làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty trong năm qua, lợi nhuận hoạt động kinh doanh sụt giảm đáng kể.

6. Cấu trúc công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ, 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 3 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	Số 10 Phan trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng; Cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải	51,76% (trực tiếp: 44%, gián tiếp: 7,76%)	51,76%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Lô số B1, Cụm Công nghiệp Phú Cường, Xã Phú Cường, Huyện Định Quán, Đồng Nai	May trang phục	26,67%	40,00%
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường	Số C1,2,3,4, Cụm Công nghiệp Phú Cường, xã Phú Cường, huyện Định Quán, Đồng Nai	May trang phục	25,33% (trực tiếp: 20%, gián tiếp: 5,33%)	25,33%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	Số 10 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản; Bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng	20,43%	20,43%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày lại (xem chi tiết tại Thuyết minh số VIII.3).

8. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 4.633 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4.324 người).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ 14 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở số liệu của Công ty Cổ phần Đồng Tiến (Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ), do đó các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tài chính này theo phương pháp giá gốc.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chí phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chí phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản cho vay và các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng trường hợp, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Thu nhập lãi tiền cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về phải thu tiền phí gia công sản phẩm dệt may, phải thu tiền bán hàng.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên, các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Amata.

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất là 28 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí liên quan trực tiếp đến chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay.... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền thuê nhà xưởng, thuê thiết bị trả trước, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí thuê nhà xưởng, thuê thiết bị thể hiện tiền thuê nhà xưởng, thuê thiết bị đã trả trước. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính 3 năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả, phải trả lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, các khoản nhận tiền cọc và các khoản phải trả khác.

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

thu bán hàng được Doanh ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	219.255.509	58.414.119
Tiền gửi ngân hàng	199.656.558.095	147.751.898.134
Cộng	<u>199.875.813.604</u>	<u>147.810.312.253</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty Desipro	114.334.062.406	80.026.094.379
Công ty Teijin Frontier	17.555.305.898	11.995.743.110
Công ty Decathlon Espana	26.639.125.209	8.593.564.980
Các khách hàng khác	12.915.831.801	17.514.225.699
Cộng	<u>171.444.325.314</u>	<u>118.129.628.168</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Jiaxing Huayan Lace	619.110.818	-
Haian Tengyu Intelligent Technology Co., Ltd.	646.084.825	1.664.031.600
Các nhà cung cấp khác	2.155.752.281	5.466.271.021
Cộng	<u>3.420.947.924</u>	<u>7.130.302.621</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường	28.000.000.000	-	68.000.000.000	-
Cộng	28.000.000.000	-	68.000.000.000	-

Khoản cho Công ty TNHH May Đồng Phú Cường vay để xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất hàng gia công cho Công ty, lãi suất vay từ 2%/năm đến 3,3%/năm.

5. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	12.829.188.765	-	12.375.844.847	-
Tạm ứng	40.650.123	-	227.189.546	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.663.931.727	-	1.417.655.937	-
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường (*)	907.890.611	-	1.914.708.783	-
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường (*)	8.381.323.230	-	5.329.939.532	-
Trung tâm Phát triển Quỹ Đất (Trảng Bom)	1.172.879.949	-	1.363.848.787	-
Các phải thu khác	662.513.125	-	2.122.502.262	-
b) Dài hạn	12.055.122.000	-	12.055.122.000	-
Khoản ký quỹ tiền thuê	489.600.000	-	489.600.000	-
Ký quỹ đảm bảo dự án đầu tư KDC đường Phan Trung	11.565.522.000	-	11.565.522.000	-
Cộng	24.884.310.765	-	24.430.966.847	-
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (*)	9.289.213.841	-	7.244.648.315	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	456.097.478	-	-	-
Nguyên vật liệu	79.780.236.119	-	69.388.816.642	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.621.968.258	-	51.911.475.556	-
Thành phẩm	97.479.042.401	-	97.483.558.242	-
Hàng hóa	215.440.915	-	534.673.641	-
Cộng	251.552.785.171	-	219.318.524.081	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	2.023.199.989	2.534.545.486
Công cụ, dụng cụ	771.136.277	847.686.125
Chi phí sửa chữa	94.029.542	631.159.361
Chi phí viết phần mềm	1.158.034.170	1.055.700.000
b) Dài hạn	225.000.000	453.570.602
Chi phí thuê nhà xưởng, thiết bị	-	3.570.602
Chi phí khác	225.000.000	450.000.000
Cộng	2.248.199.989	2.988.116.088

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	183.576.119.166	326.660.055.357	26.538.072.409	5.097.062.562	541.871.309.494
Tăng trong năm	8.545.954.899	32.677.263.003	4.385.083.182	-	45.608.301.084
Giảm trong năm	-	62.471.868.483	5.496.478.746	82.251.000	68.050.598.229
Thanh lý, nhượng bán	-	56.326.213.865	5.496.478.746	82.251.000	61.904.943.611
Giảm khác	-	6.145.654.618	-	-	6.145.654.618
Số cuối năm	192.122.074.065	296.865.449.877	25.426.676.845	5.014.811.562	519.429.012.349
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	55.822.521.827	189.207.585.756	13.473.974.914	4.532.237.299	263.036.319.796
Tăng trong năm	18.782.723.700	41.814.144.759	2.499.373.085	564.825.263	63.661.066.807
Khấu hao trong năm	18.782.723.700	41.814.144.759	2.499.373.085	564.825.263	63.661.066.807
Giảm trong năm	-	42.840.106.627	3.350.957.895	82.251.000	46.273.315.522
Thanh lý, nhượng bán	-	42.840.106.627	3.350.957.895	82.251.000	46.273.315.522
Số cuối năm	74.605.245.527	188.181.623.888	12.622.390.104	5.014.811.562	280.424.071.081
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	127.753.597.339	137.452.469.601	13.064.097.495	564.825.263	278.834.989.698
Số cuối năm	117.516.828.538	108.683.825.989	12.804.286.741	-	239.004.941.268

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
Số đầu năm	13.081.149.148	103.440.622.184	3.850.669.305	2.640.805.448	123.013.246.085
Số cuối năm	28.579.115.689	83.864.775.648	6.008.584.845	5.014.811.562	123.467.287.744
Giá trị còn lại các tài sản thể chấp các khoản vay (xem Thuyết minh số V.16):					
Số đầu năm	74.025.706.705	14.604.191.634	1.543.353.940	-	90.173.252.279
Số cuối năm	107.722.909.143	23.314.910.334	706.506.769	-	131.744.326.246

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	12.930.196.549
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	12.930.196.549
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	1.385.378.206
Tăng trong năm	461.792.736
Khấu hao trong năm	461.792.734
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	1.847.170.942
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	11.544.818.343
Số cuối năm	11.083.025.607

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tư vấn xây dựng tổ hợp Khu nhà cao tầng	1.667.333.263	1.667.333.263
Thị công hệ thống xử lý nước thải - Xí nghiệp 3	909.090.909	909.090.909
Cộng	2.576.424.172	2.576.424.172

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	11.000.000.000	-	11.000.000.000	13.062.869.597
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình (i)	11.000.000.000	-	11.000.000.000	13.062.869.597
Đầu tư vào công ty liên kết	25.713.120.000	(6.000.000.000)	25.713.120.000	37.852.299.183
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường (ii)	13.174.320.000	-	13.174.320.000	29.214.989.177
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường (iii)	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	1.587.210.869
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng (iv)	6.538.800.000	-	6.538.800.000	7.050.099.137
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.153.700.400
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.153.700.400
Cộng	38.713.120.000	(6.000.000.000)	38.713.120.000	53.068.869.180

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính chủ yếu của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình với giá trị vốn góp là 11.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 51,76% (đầu tư trực tiếp là 44%, đầu tư gián tiếp thông qua đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng là 7,76%) vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình có trụ sở tại số 10 Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, hoạt động kinh doanh chính là đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng; cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải. Trong năm, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình với số tiền là 2.200.000.000 VND (năm 2019: 1.100.000.000 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường với giá trị vốn góp là 13.174.320.000 VND, chiếm tỷ lệ 26,67% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường có trụ sở tại Lô số B1, Cụm công nghiệp Phú Cường, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, hoạt động kinh doanh chính là may trang phục. Trong năm, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập tài chính liên quan đến lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường với số tiền là 1.260.000.000 VND (năm 2019: 3.780.000.000 VND).
- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH May Đồng Phú Cường với giá trị vốn góp là 6.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 25,33% (đầu tư trực tiếp là 20%, đầu tư gián tiếp thông qua đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường là 5,33%) vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH May Đồng Phú Cường có trụ sở tại Số C1,2,3,4, Cụm Công nghiệp Phú Cường, xã Phú Cường, huyện Định Quán, Đồng Nai, hoạt động kinh doanh chính là may trang phục. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã dự phòng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH May Đồng Phú Cường với số tiền là 6.000.000.000 VND.
- (iv) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng với giá trị vốn góp là 6.538.800.000 VND, chiếm tỷ lệ 20,43% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng có trụ sở tại số 10 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản; bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết và và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại thời điểm Báo cáo tài chính.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường (*)	71.205.703.400	71.205.703.400	151.162.318.892	151.162.318.892
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường (*)	1.524.993.510	1.524.993.510	12.516.654.859	12.516.654.859
Công ty YKK Việt Nam	13.651.430.006	13.651.430.006	12.111.460.838	12.111.460.838
Công ty TNHH In Thêu Tân Hùng Ngọc	8.675.728.112	8.675.728.112	10.601.261.106	10.601.261.106
Công ty TNHH Nanu Sài Gòn	14.186.189.400	14.186.189.400	16.252.663.698	16.252.663.698
Nhà cung cấp khác	98.031.152.123	98.031.152.123	99.950.089.559	99.950.089.559
Cộng	207.275.196.551	207.275.196.551	302.594.448.952	302.594.448.952
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (*)	72.730.696.910	72.730.696.910	163.678.973.751	163.678.973.751

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	815.304.881	815.304.881	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	16.810.296	16.810.296	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.048.036.033	7.796.391.721	10.060.487.259	(216.059.505)
Thuế thu nhập cá nhân	2.418.207.265	5.323.271.741	8.189.435.914	(447.956.908)
<i>Thuế thu nhập cá nhân nhân viên Công ty</i>	<i>2.340.142.332</i>	<i>3.756.747.820</i>	<i>6.590.012.142</i>	<i>(493.121.990)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân - đầu tư vốn</i>	<i>-</i>	<i>563.351.290</i>	<i>563.351.290</i>	<i>-</i>
Thuế thu nhập không thường xuyên	78.064.933	1.003.172.631	1.036.072.482	45.165.082
Các loại thuế khác	-	2.013.000.093	2.013.000.093	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế nhà thầu	-	285.548.690	285.548.690	-
Thuế đất	-	1.722.451.403	1.722.451.403	-
Cộng	4.466.243.298	15.964.778.732	21.095.038.443	(664.016.413)

Trình bày trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	709.181.495
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>4.466.243.298</u>	<u>45.165.082</u>

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10% đối với hàng gia công, hàng bán trong nước và 0% đối với hàng gia công xuất khẩu

- Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo Thông báo của Hải quan.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	13.579.150	27.176.081
Chi phí liên hoan, hội nghị	-	1.658.812.000
Chi phí khác	132.927.167	408.705.714
Cộng	146.506.317	2.094.693.795

15. Phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	14.705.068.029	1.665.135.475
Phải trả cổ tức	12.115.646.250	393.639.150
<i>Trong đó:</i>		
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (*)	5.980.500.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (*)	5.737.500.000	-
Phải trả lãi vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (*)	333.266.000	314.618.000
Các khoản phải trả khác	2.256.155.779	956.878.325
b) Dài hạn	1.071.127.500	1.074.150.000
Nhận tiền cọc cho thuê chuyên may	1.071.127.500	1.074.150.000
Cộng	15.776.195.529	2.739.285.475
 Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan (*)	 12.051.266.000	 314.618.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	157.075.971.640	157.075.971.640	1.311.692.710.550	(1.210.623.913.840)	258.144.768.350	258.144.768.350
	129.765.058.040	129.765.058.040	1.288.221.485.950	(1.185.376.775.640)	232.609.768.350	232.609.768.350
(i)	57.475.201.400	57.475.201.400	778.673.421.730	(694.142.235.980)	142.006.387.150	142.006.387.150
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	72.289.856.640	72.289.856.640	509.548.064.220	(491.234.539.660)	90.603.381.200	90.603.381.200
(ii)	27.310.913.600	27.310.913.600	23.471.224.600	(25.247.138.200)	25.535.000.000	25.535.000.000
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	1.772.913.600	1.772.913.600	4.674.600	(1.777.588.200)	-	-
Itochu Textile Prominent (Asia) Limited (iii)	4.646.000.000	4.646.000.000	4.663.750.000	(4.666.750.000)	4.643.000.000	4.643.000.000
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (iv)	20.892.000.000	20.892.000.000	18.802.800.000	(18.802.800.000)	20.892.000.000	20.892.000.000
	85.967.321.320	85.967.321.320	23.726.891.988	(23.892.121.320)	85.802.091.988	85.802.091.988
b) Dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	443.321.320	443.321.320	-	(443.321.320)	-	-
Itochu Textile Prominent (Asia) Limited (iii)	4.646.000.000	4.646.000.000	-	(4.646.000.000)	-	-
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (iv)	80.878.000.000	80.878.000.000	23.726.891.988	(18.802.800.000)	85.802.091.988	85.802.091.988
Tổng cộng	243.043.292.960	243.043.292.960	1.335.419.602.538	(1.234.516.035.160)	343.946.860.338	343.946.860.338

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 2020082/HDHM/QLN ngày 6 tháng 11 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá ngày 7 tháng 11 năm 2021 và 4 tháng cho từng khoản vay. Khoản vay này chịu lãi suất điều chỉnh theo Thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất áp dụng trong năm 2,2%/năm - 3,5%/năm (năm 2019: 3,2%/năm - 3,4%/năm).

Số dư nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 6.117.010 USD tương đương 142.006.387.150 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.747.180 USD tương đương 57.475.201.400 VND).

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2019/HĐCVHM/NHCT680-DOVITEC ngày 29 tháng 11 năm 2019 với hạn mức vay là 190.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Hạn mức tín dụng được sử dụng chung cho các hình thức: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn của Hợp đồng vay là 12 tháng kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2019 (Công ty được gia hạn theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 300218024/2021-HĐCVHM/NHCT680-DOVITEC ngày 25 tháng 02 năm 2021) và 4 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất áp dụng trong năm từ 2,5%/năm - 3,2%/năm (năm 2019: 3,1%/năm - 3,3%/năm).

Số dư nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.906.160 USD tương đương 90.603.381.200 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.112.320 USD tương đương 72.289.856.640 VND).

- (iii) Khoản vay dài hạn Itochu Textile Prominent (Asia) Limited theo Hợp đồng vay ngày 20 tháng 10 năm 2016 với hạn mức là 1.000.000 USD. Thời hạn của Hợp đồng vay là 5 năm với mức lãi suất 1,75%/năm. Mục đích của khoản vay này để mua trang thiết bị cho nhà máy của Công ty. Số tiền vay trả hàng quý kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2017. Công ty sử dụng tài sản cố định có giá trị còn lại tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 706.506.769 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.080.046.041 VND) để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.8).

Khoản vay dài hạn Itochu Textile Prominent (Asia) Limited được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	Quy đổi VND	USD	Quy đổi VND
Trong vòng 1 năm	200.000	4.646.000.000	200.000	4.646.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	-	-	200.000	4.646.000.000
Cộng	200.000	4.646.000.000	400.000	9.292.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(200.000)	(4.646.000.000)	(200.000)	(4.646.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	-	-	200.000	4.646.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(iv) Công ty có các khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng vay số 06/2016/HĐTD-TD ngày 27 tháng 6 năm 2016 với hạn mức là 80.000.000.000 VND. Thời hạn của Hợp đồng vay là 10 năm, thời gian ân hạn là 12 tháng với mức lãi suất 7%/năm. Mục đích của khoản vay này để đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu để đi dời trụ sở tại Khu Công nghiệp Amata. Số tiền vay được trả hàng tháng là 741.000.000 VND, bắt đầu từ tháng 7 năm 2017.
- Hợp đồng vay số 01/2019/HĐTD-TD ngày 02 tháng 01 năm 2019 với hạn mức là 90.000.000.000 VND. Thời hạn của Hợp đồng vay là 8 năm, thời gian ân hạn là 6 tháng với mức lãi suất 7%/năm. Mục đích của khoản vay này để đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất hàng may mặc xuất khẩu công suất 1.900.000 sản phẩm/năm tại thị trấn Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Số tiền rút vốn vay trong năm là 23.726.891.988 VND (năm 2019: 50.000.000.000 VND), khoản vay này được trả hàng tháng là 1.000.000.000 VND, bắt đầu từ tháng 7 năm 2019.

Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 131.037.819.477 VND (tại tháng 12 năm 2019: 74.548.642.789 VND) để đảm bảo cho các khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	20.892.000.000	20.892.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	80.494.891.988	67.568.000.000
Sau 5 năm	5.307.200.000	13.310.000.000
Cộng	106.694.091.988	101.770.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(20.892.000.000)	(20.892.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	85.802.091.988	80.878.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN DỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Thu khác	Chi/ sử dụng các quỹ	Số cuối năm
Năm trước					
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,221,652,044	10,910,927,515	369,966,000	5,424,095,476	11,078,450,083
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	4,717,043,863	5,091,766,173	-	2,680,803,860	7,128,006,176
Cộng	9,938,695,907	16,002,693,688	369,966,000	8,104,899,336	18,206,456,259
Năm nay					
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11,078,450,083	4,524,446,340	13,810,000	3,090,233,295	12,526,473,128
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	7,128,006,176	2,111,408,292	-	6,113,439,101	3,125,975,367
Cộng	18,206,456,259	6,635,854,632	13,810,000	9,203,672,396	15,652,448,495

(*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận tại Thuyết minh số V.18

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước:

Năm trước	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	57.374.840.000	29.492.612.620	105.174.210.492	192.041.663.112
Lợi nhuận trong năm	-	-	72.739.516.764	72.739.516.764
Trích lập các quỹ	-	7.273.951.676	(23.276.645.364)	(16.002.693.688)
Chia cổ tức	-	-	(34.424.904.000)	(34.424.904.000)
Số cuối năm	57.374.840.000	36.766.564.296	120.212.177.892	214.353.582.188

Năm nay

Số đầu năm

Lợi nhuận trong năm

Trích lập các quỹ

Chia cổ tức

Điều chỉnh lợi nhuận các năm trước

Số cuối năm

Số đầu năm	57.374.840.000	36.766.564.296	120.212.177.892	214.353.582.188
Lợi nhuận trong năm	-	-	30.162.975.597	30.162.975.597
Trích lập các quỹ	-	3.016.297.560	(9.652.152.192)	(6.635.854.632)
Chia cổ tức	-	-	(22.949.936.000)	(22.949.936.000)
Điều chỉnh lợi nhuận các năm trước	-	-	2.345.465.600	2.345.465.600
Số cuối năm	57.374.840.000	39.782.861.856	120.118.530.897	217.276.232.753

Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2019 và trích lập các quỹ năm 2020 trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 109/NQ-DHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 23 tháng 5 năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Biên bản họp ĐHĐCĐ số 110/BB-DHĐCĐ thường niên năm 2019 ngày 23 tháng 5 năm 2020.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 57.374.840.000 VND đã được góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 với cơ cấu như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			Vốn góp thực tế	
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	1.434.375	14.343.750.000	25,00%	14.343.750.000	14.343.750.000
Tổng Công ty Cổ phần Máy Việt Tiến	1.495.125	14.951.250.000	26,06%	14.951.250.000	14.951.250.000
Các cổ đông khác	2.807.984	28.079.840.000	48,94%	28.079.840.000	28.079.840.000
Cộng	5.737.484	57.374.840.000	100,00%	57.374.840.000	57.374.840.000

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng
Cổ phiếu phổ thông
Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu được mua lại
Cổ phiếu phổ thông
Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
Cổ phiếu phổ thông
Cổ phiếu ưu đãi

Số cuối năm	Số đầu năm
5.737.484	5.737.484
5.737.484	5.737.484
5.737.484	5.737.484
-	-
-	-
-	-
-	-
5.737.484	5.737.484
5.737.484	5.737.484
-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****a) Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	557.160.000	557.520.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	835.740.000	1.393.800.000
Cộng	1.392.900.000	1.951.320.000

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán tiền thuê nhà xưởng, thiết bị của Công ty TNHH Hoa Sinh tại ấp Bình Lâm, xã Lộc An, Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê số 02-HS/2008 ngày 01 tháng 7 năm 2008. Thời hạn thuê là 15 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2008, đơn giá thuê là 2.000 USD/tháng.

b) Ngoại tệ

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ	USD	8.164.580,77	5.979.628,49

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu gia công sản phẩm dệt may	1.848.685.668.423	2.166.764.619.731
Doanh thu cho thuê tài sản	8.992.191.368	17.442.905.578
Doanh thu hoạt động khác	2.858.070.448	11.474.496.202
Cộng	1.860.535.930.239	2.195.682.021.511

Doanh thu đối với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	1.878.587.452	8.971.478.322
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường	6.854.382.753	8.565.098.112

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn gia công sản phẩm dệt may	1.658.082.846.063	1.878.054.226.184
Giá vốn cho thuê tài sản	8.861.579.172	16.861.764.415
Giá vốn hoạt động khác	1.723.379.570	10.267.610.201
Cộng	1.668.667.804.805	1.905.183.600.800

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	24.198.537	16.763.341
Lãi cho vay	977.161.640	2.106.904.108
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.560.000.000	4.880.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.398.790.650	7.568.674.292
Cộng	13.960.150.827	14.572.341.741

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	17.728.437.035	25.568.473.751
Dự phòng lỗ đầu tư tài chính	1.587.210.869	4.412.789.131
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.196.824.193	4.737.301.279
Cộng	25.512.472.097	34.718.564.161

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	-	154.216.061
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	52.648.236.407	67.948.786.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.512.171	1.237.136.879
Chi phí bằng tiền khác	8.659.818.053	8.399.348.698
Cộng	61.794.566.631	77.739.487.979

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	69.167.537.517	74.636.115.493
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	2.865.288.960	7.762.578.742
Chi phí khấu hao	2.597.031.871	3.533.250.582
Thuế, phí và lệ phí	1.959.302.454	2.015.456.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.013.514.513	4.756.337.261
Chi phí bằng tiền khác	8.337.114.738	10.483.441.092
Cộng	88.939.790.053	103.187.179.895

7. Lợi nhuận khác

Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	7.185.997.793	235.454.545
Lãi thanh lý, nhượng bán phế liệu	364.021.818	366.943.637
Thu nhập khác	501.118.232	129.030.795
Thu nhập khác	8.051.137.843	731.428.977
Các khoản bị phạt, truy thu thuế	259.584.405	-
Chi phí khác	259.584.405	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	7.791.553.438	731.428.977

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.373.000.918	90.156.959.394
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế:	(1.322.874.306)	(3.069.746.247)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.986.441.919	5.074.321.418
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(5.309.316.225)	(8.144.067.665)
Tổng thu nhập chịu thuế	36.050.126.612	87.087.213.147
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.210.025.321	17.417.442.630

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phần cơ bản và lãi trên cổ phần suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.162.975.597	72.739.516.764
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.635.854.632)	(16.002.693.688)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.527.120.965	56.736.823.076
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.737.484	5.737.484
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.101	9.889

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.527.120.965	56.736.823.076
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	23.527.120.965	56.736.823.076
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.737.484	5.737.484
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	5.737.484	5.737.484
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.101	9.889

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	506.315.221.167	664.193.908.318
Chi phí nhân viên	578.974.293.660	532.048.872.582
Chi phí khấu hao	64.122.859.543	67.833.237.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.060.829.900	19.641.831.430
Chi phí bằng tiền khác	671.634.934.080	810.513.927.864
Cộng	1.841.108.138.350	2.094.231.778.046

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chi phí lãi vay phải trả	346.845.150	341.794.081
Cổ tức phải trả	12.115.646.250	393.639.150
Phải trả tiền mua sắm tài sản	5.896.247.500	3.810.169.360
Chi phí lãi vay vốn hóa tăng tài sản	2.931.832.000	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	341.794.081	246.479.093
Cổ tức phải trả năm trước đã trả trong năm	393.639.150	359.496.150
Tiền mua sắm tài sản nợ năm trước trả trong năm nay	3.810.169.360	8.013.644.183

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên quan

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Chia cổ tức	<u>5.980.500.000</u>	<u>8.970.750.000</u>
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai		
Vay dài hạn	23.726.891.988	50.000.000.000
Chi phí lãi vay	7.227.392.000	314.618.000
Chia cổ tức	<u>5.737.500.000</u>	<u>8.606.250.000</u>
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình		
Nhận cổ tức	<u>2.200.000.000</u>	<u>1.100.000.000</u>
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường		
Bán hàng	1.126.326.384	82.384.956
Cho thuê máy móc thiết bị	752.261.068	8.889.093.366
Chuyển trả máy móc thiết bị	6.145.654.618	-
Thu thanh lý TSCĐ	19.522.171.338	-
Chi hộ (tiền xăng, phí xuất, nhập hàng)	3.675.165.268	5.773.846.628
Phí gia công	297.995.022.575	412.063.159.006
Nhận cổ tức	<u>1.260.000.000</u>	<u>3.780.000.000</u>
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An		
Nhận cổ tức	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường		
Đầu tư vốn	-	6.000.000.000
Bán hàng	615.019.284	11.285.900
Cho thuê máy móc thiết bị	6.239.363.469	8.553.812.212
Chi hộ (tiền xăng, phí xuất, nhập hàng)	2.230.035.295	2.331.895.241
Phí gia công	166.320.853.243	174.171.700.310
Tiền com công nhân	144.298.069	-
Phí thuê kho	5.455.584.000	3.430.476.000
Lãi cho vay	<u>977.161.640</u>	<u>2.106.904.108</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Phải trả cổ tức	<u>5.980.500.000</u>	<u>-</u>
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai		
Phải trả cổ tức	5.737.500.000	-
Vay dài hạn	106.694.091.988	101.770.000.000
Phải trả lãi vay	<u>333.266.000</u>	<u>314.618.000</u>
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường		
Phải thu tiền chi hộ, cho thuê máy móc thiết bị	907.890.611	1.914.708.783
Phải trả tiền phí gia công	<u>71.205.703.400</u>	<u>151.162.318.892</u>
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường		
Cho vay	28.000.000.000	68.000.000.000
Phải thu tiền chi hộ, cho thuê máy móc thiết bị	8.381.323.230	5.329.939.532
Phải trả tiền phí gia công, thuê kho	<u>1.524.993.510</u>	<u>12.516.654.859</u>

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị	4.148.257.349	5.615.340.187
Ban kiểm soát	1.912.524.951	1.560.500.144
Ban Tổng Giám đốc	7.848.040.476	10.756.394.935
Cộng	<u>13.908.822.776</u>	<u>17.932.235.266</u>

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.16 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc chủ sở hữu (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay	343.946.860.338	243.043.292.960
Trừ: Tiền	<u>(199.875.813.604)</u>	<u>(147.810.312.253)</u>
Nợ thuần	144.071.046.734	95.232.980.707
Vốn chủ sở hữu	<u>217.276.232.753</u>	<u>214.353.582.188</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>66%</u>	<u>44%</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền	199.875.813.604	199.875.813.604	147.810.312.253	147.810.312.253
Phải thu của khách hàng	171.444.325.314	171.444.325.314	118.129.628.168	118.129.628.168
Phải thu về cho vay	28.000.000.000	28.000.000.000	68.000.000.000	68.000.000.000
Phải thu khác	22.517.215.790	22.517.215.790	20.663.619.102	20.663.619.102
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.000.000.000	2.134.426.039	2.000.000.000	2.153.700.400
Cộng	423.837.354.708	423.971.780.747	356.603.559.523	356.757.259.923

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	207.129.923.824	207.129.923.824	302.594.448.952	302.594.448.952
Chi phí phải trả	146.506.317	146.506.317	2.094.693.795	2.094.693.795
Phải trả khác	15.776.195.529	15.776.195.529	2.739.285.475	2.739.285.475
Các khoản vay	343.946.860.338	343.946.860.338	243.043.292.960	243.043.292.960
Cộng	566.999.486.008	566.999.486.008	550.471.721.182	550.471.721.182

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày tại Thuyết minh số V.11.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là gia công sản phẩm dệt may do đó Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự thay đổi về giá của hàng hóa, nguyên vật liệu trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quản lý rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá)

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là gia công sản phẩm dệt may, phần lớn là gia công hàng xuất khẩu, và một số phụ liệu được nhập khẩu nước ngoài, do đó các giao dịch mua bán hàng bằng đồng ngoại tệ USD. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư máy móc trang thiết bị của Công ty được tài trợ bằng các nguồn vốn vay từ các ngân hàng trong nước, tổ chức và cổ đông của Công ty đặc biệt là các khoản vay ngoại tệ USD, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá ngoại tệ USD.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Tên ngoại tệ	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tài sản	Nợ phải trả	Tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	Tài sản	Nợ phải trả	Tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ
Đô la Mỹ (USD)	15.274.208,70	10.643.715,22	4.630.493,48	11.070.088,70	6.364.658,48	4.705.430,22
Đồng Việt Nam (VND)	351.835.798.019	246.939.993.450	104.895.804.569	255.726.133.303	147.842.613.453	107.883.519.850

Tỷ lệ thay đổi được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của ngoại tệ so với VND tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/ giảm 1.048.958.046 VND (năm 2019: 1.078.835.199 VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu về cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ đo Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phát được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính	28.000.000.000	68.000.000.000
Phải thu về cho vay	28.000.000.000	68.000.000.000
Nợ phải trả tài chính	343.946.860.338	243.043.292.960
Các khoản vay	343.946.860.338	243.043.292.960
Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần	(315.946.860.338)	(175.043.292.960)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng tương ứng là 3.159.468.603 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.750.432.930 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu của khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản tài chính				
Tiền	199.875.813.604	-	-	199.875.813.604
Phải thu của khách hàng	171.444.325.314	-	-	171.444.325.314
Phải thu về cho vay	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000
Phải thu khác	10.462.093.790	12.055.122.000	-	22.517.215.790
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	409.782.232.708	12.055.122.000	2.000.000.000	423.837.354.708
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	207.129.923.824	-	-	207.129.923.824
Chi phí phải trả	146.506.317	-	-	146.506.317
Phải trả khác	14.705.068.029	1.071.127.500	-	15.776.195.529
Các khoản vay	258.144.768.350	80.494.891.988	5.307.200.000	343.946.860.338
Cộng	480.126.266.520	81.566.019.488	5.307.200.000	566.999.486.008
Chênh lệch thanh khoản thuần	(70.344.033.812)	(69.510.897.488)	(3.307.200.000)	(143.162.131.300)
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền	147.810.312.253	-	-	147.810.312.253
Phải thu của khách hàng	118.129.628.168	-	-	118.129.628.168
Phải thu về cho vay	68.000.000.000	-	-	68.000.000.000
Phải thu khác	8.608.497.102	12.055.122.000	-	20.663.619.102
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	342.548.437.523	12.055.122.000	2.000.000.000	356.603.559.523

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	302.594.448.952	-	-	302.594.448.952
Chi phí phải trả	2.094.693.795	-	-	2.094.693.795
Phải trả khác	1.665.135.475	1.074.150.000	-	2.739.285.475
Các khoản vay	157.075.971.640	72.657.321.320	13.310.000.000	243.043.292.960
Cộng	463.430.249.862	73.731.471.320	13.310.000.000	550.471.721.182
Chênh lệch thanh khoản thuần				
	(120.881.812.339)	(61.676.349.320)	(11.310.000.000)	(193.868.161.659)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi tiết như sau:

Báo cáo kết quả kinh doanh

	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (Được trình bày lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.178.239.115.933	17.442.905.578	2.195.682.021.511
Thu nhập khác	18.174.334.555	(17.442.905.578)	731.428.977

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2021



NGUYỄN VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Kế toán trưởng

LÊ THỊ LIỄU
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo